SỞ Y TẾ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Số: **152**/KSBT-KHNV
V/v mời báo giá phí dịch vụ xét nghiệm mẫu nước phục vụ công tác ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Các công ty/đơn vị cung cấp dịch vụ xét nghiệm chất lượng nước tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La có nhu cầu tiếp nhận báo giá để làm cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuê dịch vụ xét nghiệm mẫu nước phục vụ công tác ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật kính mời quý công ty/đơn vị có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật, có khả năng cung cấp dịch vụ xét nghiệm chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt *(theo quy chuẩn tại Thông tư 52/2024/TT-BYT ngày 31/12/2024 của Bộ Y tế)* báo giá phí dịch vụ xét nghiệm mẫu nước với những nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La. Địa chỉ: Số 84A, đường Lò Văn Giá, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Bà Nguyễn Thị Huệ -Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ;

- SĐT: 0946 071 980 (trong giờ hành chính)

- Email: phongkhnvcdc@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Bằng văn bản có đóng dấu của công ty/đơn vị qua địa chỉ: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La, số 84A, đường Lò Văn Giá, phường Tô Hiệu, tỉnh Sơn La.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị đến 08 giờ 00 phút ngày 10 tháng 4 năm 2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ký.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục các thông số xét nghiệm mẫu nước phục vụ công tác ngoại kiểm chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La *(theo phụ lục 01 đính kèm)*.

2. Số lượng, địa điểm đơn vị cấp nước tiến hành lấy mẫu *(theo phụ lục 02 đính kèm)*.

3. Nội dung công việc: Công ty/đơn vị thực hiện nhận mẫu 02 đợt tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La để xét nghiệm theo danh mục yêu cầu. Riêng đối với thông số clo dư tự do, nhà thầu phải cử cán bộ kỹ thuật trực tiếp đến hiện trường để thực hiện lấy mẫu và xét nghiệm tại chỗ, dưới sự giám sát của đại diện Trung tâm; kết quả được lập biên bản xác nhận tại thời điểm thực hiện.

Nhà thầu chịu trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện và tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, tiến độ và hiệu quả công việc.

4. Thời gian dự kiến thực hiện dịch vụ: Quý II và quý III năm 2026.

5. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo khối lượng công việc thực tế hoàn thành.

6. Các thông tin báo giá *(theo phụ lục 03 đính kèm)*

Báo giá đã bao gồm thuế VAT, chi phí đến nhận mẫu tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật 02 lượt, phí, lệ phí liên quan (nếu có).

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La rất mong nhận được sự quan tâm và bản báo giá của quý Công ty/Đơn vị./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Đăng tải hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Cổng Thông tin điện tử TT (để đăng tải);
- Lưu: VT, HST, KHNV.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Lê Hồng Trường

Phụ lục 01

DANH MỤC CÁC THÔNG SỐ XÉT NGHIỆM MẪU NƯỚC

(Kèm theo Công văn số 152/KSBT-KHNV ngày 30/3/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La)

TT	Tên thông số xét nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Arsenic (As)	Mẫu	42	
2	Clo dư tự do	Mẫu	42	Thực hiện XN tại chỗ
3	Độ đục	Mẫu	42	
4	Màu sắc	Mẫu	42	
5	Mùi, vị	Mẫu	42	
6	Tụ cầu vàng *(Staphylococus aureus)*	Mẫu	42	
7	Trực khuẩn mủ xanh *(Ps. Aeruginosa)*	Mẫu	42	
8	Amoni (NH3 và NH4+ tính theo N)	Mẫu	42	
9	Antimon (Sb)	Mẫu	42	
10	Cadmi (Cd)	Mẫu	42	
11	Mangan (Mn)	Mẫu	42	
12	Natri (Na)	Mẫu	42	
13	Nhôm (Aluminium) (Al)	Mẫu	42	
14	Nitrat (NO3- tính theo N)	Mẫu	42	
15	Sắt (Ferrum) (Fe)	Mẫu	42	
16	Seleni (Se)	Mẫu	42	
17	Sunphat	Mẫu	42	
18	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	Mẫu	42	
19	Benzen	Mẫu	42	
20	Etylbenzen	Mẫu	42	
21	Phenol và dẫn xuất của Phenol	Mẫu	42	
22	Styren	Mẫu	42	
23	Toluen	Mẫu	42	
24	Xylen	Mẫu	42	
25	Carbofuran	Mẫu	42	
26	Chlorpyrifos	Mẫu	42	

27	Cyanazine	Mẫu	42	
28	DDT và các dẫn xuất	Mẫu	42	
29	Hydroxyatrazine	Mẫu	42	
30	MCPA	Mẫu	42	
31	Permethrin	Mẫu	42	
32	Propanil	Mẫu	42	
33	Bromodichloromethane	Mẫu	42	
34	Bromoform	Mẫu	42	
35	Chloroform	Mẫu	42	
36	Dibromochloromethane	Mẫu	42	
	Tổng cộng 36 thông số			

Phụ lục 02

DANH MỤC ĐỊA ĐIỂM LẤY MẪU NƯỚC

(Kèm theo Công văn số 152/KSBT-KHNV ngày 30/3/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La)

TT	Đơn vị	Địa chỉ	Ghi chú
1	Trạm cấp nước Chiềng Sinh	Tổ 7, phường Chiềng Sinh	
2	Nhà máy nước Bản Mòng	Bản Kham, phường Chiềng Cơi	
3	Trạm chính Mai Sơn	Tiểu khu 20, xã Mai Sơn	
4	Trạm cấp nước Cò Nòi	Cò Nòi, xã Mai Sơn	
5	Trạm 19/5	Tiểu khu 19/5, xã Mai Sơn	
6	Trạm cấp nước Chiềng Đi	Tổ dân phố Chiềng Đi	
7	Trạm Bưu Điện	Tổ 7, phường Mộc Sơn	
8	Trạm Suối Sập	Bản Thín, Sập Vạt, xã Yên Châu	
9	Trạm Nà Xá	Tiểu khu Nà Xá, xã Phù Yên	
10	Trạm cấp nước Bệnh viện	Tiểu khu 4, xã Mường La	
11	Trạm Phiêng Ban	Tiểu khu 3, xã Bắc Yên	
12	Trạm cấp nước Sông Mã	Tổ 1, xã Sông Mã	
13	Trạm cấp nước Mường Giàng	Bản Mường Giàng, xã Quỳnh Nhai	
14	Nhà máy nước Sốp Cộp	Bản Hua Mường, xã Sốp Cộp	
	Tổng số 14 đơn vị cấp nước		

Phụ lục 03

Tên công ty/đơn vị…….....

Địa chỉ…….....

Điện thoại…….....

Email……Website…….

BIỂU MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo công văn số 152/KSBT-KHNV ngày 30/3/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Sơn La

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi *.... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá phí dịch vụ xét nghiệm mẫu nước như sau:

1. Báo giá phí dịch vụ xét nghiệm mẫu nước :

STT	**Tên thông số xét nghiệm**	**Đơn vị tính**	**Số lượng/khối lượng**	**Đơn giá (VND)**	**Thuế, các khoản chi phí liên quan (nếu có) (VND)**	**Thành tiền (VND)**
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
1	…					
2	…..					
	...					

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ...

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

……, ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))